



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN THỊ QUÝ

**NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH KON TUM**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

Mã số: 60.31.01.05

Đà Nẵng – 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. BÙI QUANG BÌNH

Phản biện 1: GS.TS. Võ Xuân Tiên

Phản biện 2: PGS.TS. Hồ Đình Bảo

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế Phát triển họp tại Kon Tum vào ngày 14 tháng 4 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đầu tư là yếu tố quyết định sự phát triển và là chìa khóa tăng trưởng của mỗi quốc gia. Kết quả của hoạt động đầu tư không những làm gia tăng tài sản cá nhân của nhà đầu tư mà còn trực tiếp làm gia tăng tài sản cho nền kinh tế, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu giải quyết việc làm, nâng cao mức sống của người dân, đảm bảo an sinh và giải quyết nhiều vấn đề xã hội.

Kon Tum là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới của Tây Nguyên, nằm ở ngã ba Đông Dương vì vậy Kon Tum có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về mặt quốc phòng đối với Tây nguyên, duyên hải Miền Trung và cả nước. Trong những năm qua, Kon Tum đã có nhiều chính sách và giải pháp khơi dậy nguồn nội lực, tranh thủ nguồn lực bên ngoài nhờ đó vốn đầu tư toàn xã hội của Kon Tum trong những năm qua tăng đáng kể. Cơ cấu nguồn vốn huy động đã có bước chuyển dịch quan trọng và có sự tăng lên của đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước nhờ đó mà tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ cao, năm sau cao hơn năm trước, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, Kon Tum là tỉnh có xuất phát điểm thấp so với các tỉnh trong khu vực, nguồn thu từ ngân sách địa phương rất hạn hẹp, thu không đủ chi, chủ yếu dựa vào nguồn trợ cấp của Trung ương. Nguồn vốn huy động từ bên ngoài mặc dù đã có bước chuyển dịch quan trọng nhưng vẫn còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có của tỉnh. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nhà nước còn thấp, chưa phát huy hết vai trò của vốn đầu tư trong tăng trưởng và phát triển kinh tế...

Nhằm sử dụng vốn đầu tư một cách hiệu quả, tránh thất thoát, phát huy tốt vai trò của vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế trong điều

kiện nguồn lực ngày càng hạn hẹp và khó huy động hơn và trên cơ sở nghiên cứu lý luận về vai trò của đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế, học viên lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu tác động của đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Kon Tum*” cho luận văn cao học của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu tổng quát

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát của đề tài là phân tích, đánh giá được thực trạng tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kon Tum trong thời gian qua. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho tỉnh.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể.

- Khái quát được cơ sở lý luận về tác động của đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế.
- Đánh giá được thực trạng tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kon Tum trong thời gian qua;
- Đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho tỉnh.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài phải trả lời câu hỏi:

- Vốn đầu tư tác động như thế nào tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kon Tum?
- Cần điều chỉnh, đề ra những chính sách sử dụng vốn đầu tư như thế nào nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh Kon Tum?

4. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu của đề tài là Tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Kon Tum

Phạm vi nội dung : Vốn đầu tư ở đây chỉ là vốn đầu tư để tạo ra vốn sản xuất hay vốn vật chất.

Phạm vi không gian: Tỉnh Kon Tum.

Phạm vi thời gian: số liệu cho nghiên cứu từ 2005 tới 2015 và phạm vi tác động của các kiến nghị giải pháp là từ 2017 -2025

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu theo các bước, quy trình như sau:

- Đầu tiên là nghiên cứu tài liệu, hình thành khung lý thuyết cho nghiên cứu.

- Trên cơ sở khung lý thuyết đó, học viên sẽ tiến hành thu thập dữ liệu và xử lý số liệu qua phần mềm spss, excel...

- Sử dụng kết quả tính toán, tiến hành đánh giá và viết báo cáo

- Các phương pháp phân tích và thu thập số liệu sẽ được trình bày kỹ ở chương 2 của nghiên cứu dưới đây.

6. Bố cục luận văn

Đề tài gồm 4 chương

Chương 1: Tổng quan cơ sở lý luận về tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế.

Chương 2: Đặc điểm của địa bàn và Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng tác động của đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Kon Tum trong giai đoạn 2005-2015.

Chương 4: Bàn luận và các hàm ý chính sách

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

KHUNG LÝ THUYẾT VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN

1.1.1. Tổng quan các tài liệu ở nước ngoài

Các nghiên cứu có liên quan tới tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế có rất nhiều vì đây là chủ đề đã được các nhà nghiên cứu, nhà quản lý quan tâm rất nhiều. Tuy nhiên cách tiếp cận khác nhau những các nghiên cứu đều đã chỉ ra những tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế. Các kết luận đều khẳng định vốn tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Các nghiên cứu cũng chỉ ra tác động của vốn sẽ có tác động chỉ trong khoảng thời gian ngắn, đồng thời tác động chỉ có hiệu quả nếu quá trình tích lũy và đầu tư phải gắn với vốn con người và môi trường thể chế tốt hơn. Ngoài ra vốn còn tác động tới tăng trưởng thông qua thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giảm nghèo.

1.1.2. Tổng quan các nghiên cứu ở Việt Nam

Cùng với các nghiên cứu của thế giới các nghiên cứu của Việt Nam cũng đề cập tới điều này. Nhìn chung các nghiên cứu của Việt Nam đều đã đề cập tới tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế và các quá trình kinh tế liên quan như chuyển dịch cơ cấu kinh tế hay giảm nghèo. Cùng với các kết quả nghiên cứu ở nước ngoài, kết quả này sẽ góp phần hình thành khung lý thuyết cho nghiên cứu này.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.2.1. Khái niệm về đầu tư và nguồn vốn đầu tư

a. Khái niệm đầu tư

Đầu tư là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các

hoạt động nào đó nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra. Như vậy, mục tiêu của đầu tư là đạt được các kết quả lớn hơn so với những hy sinh về nguồn lực mà nhà đầu tư phải gánh chịu khi tiến hành đầu tư. Nguồn lực được nói đến ở đây có thể là tiền, tài nguyên, công nghệ, nhà xưởng, sức lao động, trí tuệ... và các mục đích hướng tới chính là sự tăng lên về tài sản tài chính (tiền vốn), tài sản vật chất (nhà máy, đường sá, bệnh viện, máy móc...), tài sản trí tuệ (trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề, năng suất lao động, trình độ quản lý...) và nguồn nhân lực có đủ điều kiện làm việc với năng suất cao hơn trong nền sản xuất xã hội.

b. Nguồn vốn đầu tư

Nếu xét trên tổng thể nền kinh tế thì nguồn vốn đầu tư bao gồm hai loại sau: nguồn trong nước tiết kiệm được và nguồn từ nước ngoài đưa vào. Nguồn từ nước ngoài đưa vào có thể dưới dạng: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, các khoản vay nợ và viện trợ, tiền kiều hối và thu nhập do nhân tố từ nước ngoài chuyển về. Có thể chia vốn đầu tư làm 2 loại là đầu tư của khu vực doanh nghiệp và cá nhân (khu vực tư) và đầu tư của khu vực nhà nước (khu vực công).

1.2.2. Lý luận về tăng trưởng kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là một khái niệm rất quan trọng. Đây cũng là nền tảng của nhiều mối quan hệ kinh tế xã hội và góp phần tạo nên các mối quan hệ đa chiều của xã hội. Các mối quan hệ đó có thể bao gồm về mối quan hệ giữa tăng trưởng và công bằng xã hội, tăng trưởng kinh tế và văn hóa, tăng trưởng kinh tế và môi trường, tăng trưởng kinh tế và tham nhũng.... Việc nắm rõ các khái niệm cũng như các lý luận và lý thuyết về tăng trưởng sẽ góp phần nghiên cứu một cách có hệ thống hơn về mối quan hệ của tăng trưởng với các

khái niệm và phạm trù khác, và để từ đó góp phần hài hòa khái niệm này với các khái niệm và phạm trù khác.

b. Đo lường tăng trưởng kinh tế

- Các chỉ tiêu tổng quát:

+ Tổng giá trị sản xuất (GO)

+ Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

+ Tổng sản phẩm quốc dân (GNP)

+ Tổng thu nhập quốc dân (GNI)

+ Thu nhập quốc dân (NI)

+ Tổng sản phẩm tính bình quân đầu người. Trong đó chỉ tiêu GDP thường là chỉ tiêu quan trọng và hay được sử dụng nhất.

- Các công thức đo lường tăng trưởng kinh tế: tăng trưởng kinh tế có thể biểu thị bằng số tuyệt đối (qui mô tăng trưởng) hoặc số tương đối (tốc độ tăng trưởng).

c. Tầm quan trọng của tăng trưởng

Trước hết, tăng trưởng kinh tế là điều kiện quyết định thúc đẩy sự phát triển kinh tế của quốc gia. .

Thứ hai, tăng trưởng cho phép giải quyết các vấn đề xã hội.

Thứ ba, tăng trưởng bền vững sẽ góp phần bảo vệ môi trường.

Thứ tư, tăng trưởng là cơ sở để phát triển giáo dục và khoa học công nghệ.

1.2.3. Lý luận về tác động của đầu tư với tăng trưởng kinh tế

Vai trò của vốn với tăng trưởng đều đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu kinh tế học. Vai trò của vốn với tăng trưởng kinh tế cũng được khẳng định trong Lý thuyết về mô hình tăng trưởng Tân cổ điển. Theo lý thuyết này muốn tăng trưởng cần phải tích lũy vốn sản xuất. Khi cho tỷ lệ tiết kiệm tăng lên thì trạng thái dừng thay đổi và tăng trưởng

Nhưng vai trò của vốn không chỉ trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế mà vốn còn có vai trò lớn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và giảm nghèo ... Đây là những nội dung mà muốn duy trì tăng trưởng kinh tế dài hạn cũng phải bảo đảm các nội dung này phải được đảm bảo. Thực tiễn tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Việt Nam kể từ khi cải cách mở cửa đều đã chứng minh tầm quan trọng của vốn. Như vậy cả lý luận và thực tiễn đều đã chứng tỏ tầm quan trọng của vốn tới tăng trưởng kinh tế. Hay nói cách khác vốn có tác động rất lớn tới tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

1.3. GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH KINH TẾ

1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Từ khung lý thuyết trên, để nghiên cứu cho địa bàn tỉnh Kon Tum, nghiên cứu này có một số giả thuyết cần làm rõ sau:

+ Giả thuyết 1: Vốn có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Kon Tum trong ngắn hạn;

+ Giả thuyết 2: Vốn đầu tư nhà nước và ngoài nhà nước có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Kon Tum trong ngắn hạn;

1.3.2. Mô hình kinh tế

Từ tổng quan tài liệu và cơ sở lý luận ở phần trên và để làm rõ các giả thuyết trên cần phải có mô hình kinh tế về mối quan hệ này.

Rõ ràng tăng trưởng kinh tế được biểu hiện bằng tăng trưởng sản lượng hay GDP phụ thuộc vào quy mô vốn sản xuất. Lượng vốn sản xuất thay đổi tùy thuộc vào quá trình tích lũy để đầu tư. Đầu tư hàng năm sẽ làm gia tăng vốn sản xuất của nền kinh tế qua đó quyết định sản lượng.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phần này sẽ giới thiệu những đặc điểm cơ bản về tỉnh Kon Tum như điều kiện tự nhiên, tài nguyên và kinh tế xã hội. Tiếp đó sẽ giới thiệu về phương pháp nghiên cứu của đề tài

2.1. GIỚI THIỆU VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế

2.1.3. Đặc điểm về xã hội

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.2.1. Phương pháp ước tính chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

a. Phương pháp phân tích và đánh giá xu hướng tăng trưởng kinh tế

Trong nghiên cứu này sẽ sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để đạt được các mục tiêu đề ra.

a. Phương pháp phân tích và đánh giá xu hướng tăng trưởng kinh tế

Từ lý thuyết có thể thấy tăng trưởng kinh tế được đo lường bằng so sánh quy mô GDP hay GNP của nền kinh tế theo phương pháp liên hoàn hay cố định kỳ gốc để tính toán mức và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể

Nếu tính theo cố định kỳ gốc:

Nếu gọi: Y là GDP hay GNP thực tế hay cố định;

Y_t là GDP hay GNP tại thời điểm t của kỳ phân tích

Y_0 là GDP hay GNP tại thời điểm gốc của kỳ phân tích

ΔY là mức tăng trưởng

Khi đó: $\Delta Y = Y_t - Y_0$ (1)

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ cho biết quy mô sản lượng gia tăng nhanh hay chậm qua các thời kỳ khác nhau. Sử dụng kết quả phân trên ta có:

Tốc độ tăng trưởng giữa thời điểm t và thời điểm gốc

$$g_Y = \Delta Y * 100 / Y_0 \quad (2)$$

Theo phương pháp liên hoàn

Nếu gọi: + Y là GDP hay GNP thực tế hay cố định;

+ Y_t là GDP hay GNP tại thời điểm t của kỳ phân tích

+ Y_{t-1} là GDP hay GNP tại thời điểm t-1 của kỳ phân tích

+ ΔY là mức tăng trưởng

Khi đó: $\Delta Y = Y_t - Y_{t-1}$ (3)

Tốc độ tăng trưởng giữa thời điểm t so với năm t-1 là

$$g_Y = \Delta Y * 100 / Y_{t-1} \quad (4)$$

b. Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn có khoảng thời gian n năm

$$\bar{g}_Y = \sqrt[n-1]{\frac{Y_n}{Y_0}} - 1 \quad (5)$$

Với: Y_n là GDP năm cuối cùng của thời kỳ; Y_0 là GDP năm đầu tiên của thời kỳ tính toán.

Trên kết quả tính được sẽ xem xét xu hướng tăng trưởng kinh tế trong thời gian dài để đánh giá xu hướng.

c. Phương pháp tính toán chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT)

Kết quả các nghiên cứu ở chương 1 có thể hình thành các phương pháp phân tích đánh giá CDCC.

d. Cơ cấu và mức CDCC có thể tính

(1) chuyển dịch cơ cấu phân theo ngành kinh tế

Nếu gọi Y_t là GDP của năm t , Y_a là giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp năm t ; Y_i là giá trị gia tăng của ngành Công nghiệp - xây dựng năm t ; Y_s là giá trị gia tăng của ngành dịch vụ năm t .

Ta có
$$Y_t = Y_{at} + Y_{it} + Y_{st} \quad (6)$$

Tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành trong GDP năm t sẽ bằng giá trị gia tăng của ngành năm t so với Y_t . Mức thay đổi tỷ trọng của các ngành trong GDP được xác định nhờ so sánh tỷ trọng của ngành đó giữa hai thời kỳ.

(2) chuyển dịch cơ cấu phân theo thành phần kinh tế

Nếu gọi Y_t là GDP của năm t , Y_a là giá trị gia tăng của thành phần kinh tế nhà nước năm t ; Y_i là giá trị gia tăng của thành phần kinh tế ngoài nhà nước năm t .

Ta có
$$Y_t = Y_{at} + Y_{it} \quad (7)$$

Tỷ trọng giá trị gia tăng của các thành phần kinh tế trong GDP năm t sẽ bằng giá trị gia tăng của các thành phần kinh tế năm t so với Y_t . Mức thay đổi tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong GDP được xác định nhờ so sánh tỷ trọng của thành phần kinh tế đó giữa hai thời kỳ.

b. Phương pháp phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế

Phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế có thể áp dụng những phương pháp khác nhau.

(1) Phương pháp phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế thông qua hệ số ICOR

Từ nghiên cứu của Harrod, R.F (1939) và Domar, E. D. (1946) hay còn gọi là mô hình Harrod – Domar. Theo đó tỷ lệ giữa vốn sản

xuất tăng thêm và mức tăng sản lượng được gọi là ICOR.

(2) Phương pháp phân tích tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế bằng phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân

Từ những nghiên cứu của (Abramovitz (1956); Solow (1957); Ilke Van Beveren (2007); ABBP(2007); Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006) hay Trần Thọ Đạt và Đỗ Tuyết Nhung (2012)).

Bắt đầu từ hàm sản xuất Cobb-Douglas, sau đó chuyển thành dạng tuyến tính và Sau đó, hàm sản xuất này được chuyển thành một dạng để có thể đo lường sự đóng góp của những thay đổi của từng số hạng – gia tăng lực lượng lao động, bổ sung trữ lượng vốn, và tăng trưởng TFP – đối với tăng trưởng chung.

$$\text{hay } g_Y = g_{T_{FP}} + \alpha g_K + \beta g_L \quad (9)$$

Từ (9) có thể tính được tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng của vốn đầu tư vào tăng trưởng và từ đây cũng đánh giá được tác động của yếu tố này tới tăng trưởng kinh tế.

Từ phương trình hạch toán này và sử dụng kế quả ước lượng hệ số α : Hệ số co giãn từng phần của GDP theo vốn sản xuất với giả định L không đổi, β : Hệ số co giãn từng phần của GDP theo lao động với giả định K không đổi của Trung tâm Năng suất Việt Nam năm 2015 của Bộ Khoa học và công nghệ có thể ước tính được đóng góp của vốn vào tăng trưởng kinh tế hay vai trò của vốn với tăng trưởng kinh tế.

(3) Tác động vào tăng trưởng kinh tế của đầu tư công và đầu tư tư nhân

Phương pháp nghiên cứu ở đây dựa trên các mô hình lý thuyết tân cổ điển và tăng trưởng nội sinh và các nghiên cứu thực nghiệm như Romer (1990), Markiw, Romer và Weil (1992) và Borensztein, Gregorio và Lee (1998) để hình thành mô hình tác động của vốn đầu

tư đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Hàm số sản xuất mở rộng:

$$Y = AL^{\beta_1} F^{\beta_2} I^{\beta_3} H^{\beta_4} \quad (10)$$

Trong đó Y: sản lượng/GDP; L: lao động; H: vốn con người; I: đầu tư công; F: đầu tư tư nhân; A: tổng hợp các nhân tố hiệu quả như các biện pháp chính sách và quản lý

Lấy logarit và đạo hàm theo thời gian, có được các nhân tố tác động đến GDP:

$$G_Y = \beta_1 G_L + \beta_2 G_I + \beta_3 G_F + \beta_4 G_H + \varepsilon_i \quad (11)$$

Trong đó: G_L , G_I , G_F và G_H là tốc độ tăng của GDP, tốc độ tăng của đầu tư công, tốc độ tăng của vốn đầu tư tư nhân, tốc độ tăng của lao động, và vốn con người β_1 , β_2 , β_3 , β_4 là độ co giãn của sản lượng đầu tư công, tư nhân, lao động và vốn con người.

(4) Ngoài ra tác động của vốn tới tăng trưởng kinh tế còn có thể được xem xét thông qua tác động tới việc làm hay một số chỉ tiêu khác.

Tác động của vốn tới việc làm sẽ được xem xét qua hệ số co giãn giữa việc làm và tăng trưởng vốn. Đây là phương pháp đã được sử dụng khá nhiều trong phân tích kinh tế.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Từ đối tượng nghiên cứu, mục tiêu đã nêu ở trên có thể xác định phương pháp thu thập số liệu cần thiết. Đó là phương pháp thu thập số liệu thứ cấp.

Số liệu thứ cấp của nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Số liệu của đề tài chủ yếu được hình thành từ Niên giám thống kê, được ban hành và công bố hàng năm bởi Cục Thống kê tỉnh Kon Tum. Ngoài ra đề tài còn sử dụng số liệu từ các cơ quan quản lý của địa phương như Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn...

Do vậy tính pháp lý và độ tin cậy có thể chấp nhận được.

Số liệu tăng trưởng GDP của tỉnh sẽ được chuyển về giá cố định 1994 theo hướng dẫn của Tổng cục thống kê, đơn vị tính là tỷ đồng.

Giá trị gia tăng của các ngành trong GDP cũng được lấy từ niên giám thống kê của tỉnh. Giá trị gia tăng cũng được tính theo giá hiện hành và giá cố định 1994 với đơn vị tính là tỷ đồng.

Vốn đầu tư ở đây là vốn đầu tư phát triển. Trong Niên giám thống kê chỉ tiêu này thường được tính theo giá hiện hành nên học viên đã chuyển sang giá cố định bằng sử dụng phương pháp điều chỉnh theo chỉ số điều chỉnh giá. Vốn đầu tư cũng được tính theo triệu đồng Trên cơ sở số liệu vốn đầu tư theo ngành và theo thành phần kinh tế để tách ra. Từ vốn đầu tư sẽ tính được khối lượng vốn sản xuất được xác định như sau. Theo kinh nghiệm trong khoảng thời gian ngắn và với nền kinh tế trong giai đoạn bắt đầu công nghiệp hóa thì khối lượng vốn sản xuất năm đầu tiên được giả định bằng 0.9 của VA năm tương ứng. K của năm tiếp theo sẽ bằng K năm tiếp theo trừ khấu hao và cộng lượng đầu tư của năm đầu (Mankiw (2000)).

Khoảng thời gian của số liệu sẽ từ năm 2005 tới năm 2015.

Số liệu lao động là số lao động đang làm việc trong nền kinh tế và được tính bằng 1000 người.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH KON TUM GIAI ĐOẠN 2005-2015

3.1. TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH KON TUM

3.1.1. Tình hình tăng trưởng GDP, giá trị gia tăng các ngành và khu vực kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Kon Tum trong những năm đạt mức tăng trưởng khá cao và ổn định, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng từ 1.217 tỷ đồng năm 2005 lên 4.848 tỷ đồng năm 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2005 - 2015 đạt 14,33%/năm. Nhìn chung tăng trưởng GDP được duy trì tương đối ổn định, liên tục trong hơn 10 năm, tuy tốc độ tăng trưởng những năm gần đây tỏ ra khá khả quan, song có thể nói nền kinh tế của tỉnh đang đứng trước nhiều vấn đề cần giải quyết. Điều này cũng cần phải xem xét và phân tích kỹ để có những đánh giá cũng như rút ra những bài học cho giai đoạn tiếp theo.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp song mức độ chuyển dịch còn chậm. Tỷ trọng các ngành công nghiệp tăng từ 18,57% năm 2005 lên 27,17% năm 2015. Các ngành dịch vụ cũng có sự chuyển dịch tương ứng. Riêng nhóm ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao (34,72% năm 2015). Điều này cũng cho thấy vai trò của ngành nông nghiệp còn khá lớn trong nền kinh tế cho dù hai ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ dần đóng vai trò ngày càng lớn.

Số liệu thống kê về GDP theo thành phần kinh tế của tỉnh tỉnh Kon Tum được thể hiện trên hình 3.5. Tỷ trọng của khu vực kinh tế

ngoài nhà nước vẫn chiếm đa số và tăng dần hơn 10 năm qua. Năm 2005, tỷ trọng của khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 63,26% thì năm 2015 là 72,75%. Cũng trong thời gian này tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước từ 36,74% đã giảm xuống còn 27,25%. Cơ cấu này cũng hàm ý rằng kinh tế ngoài nhà nước đang và sẽ còn đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh Kon Tum

*** Về phân bổ lao động**

Nền kinh tế đã huy động được số lượng lao động khá lớn vào hoạt động kinh tế. Nếu năm 2005 là khoảng 179 ngàn người thì năm 2015 là gần 291 ngàn người. Theo đó, tỷ lệ lao động được phân bổ trong ngành nông nghiệp giảm từ 76,8% năm 2005 xuống còn 59,5% trong năm 2015, tỷ lệ lao động được phân bổ trong ngành công nghiệp tăng từ 7,41% năm 2005 lên 11,75% năm 2015 và tỷ lệ lao động được phân bổ trong ngành dịch vụ tăng từ 15,37% năm 2005 lên 27,75% trong năm 2015.

Đa số lao động của nền kinh tế được phân bổ cho khu vực kinh tế ngoài nhà nước, năm 2015 là 86,12%. Tuy rằng tỷ trọng phân bổ lao động cho kinh tế ngoài nhà nước có tăng nhưng đã chậm dần trong những năm gần đây. Tỷ trọng lao động phân bổ cho khu vực kinh tế nhà nước, chiếm tỷ lệ rất thấp (hơn 13,88%), trong hơn 10 năm qua, tỷ lệ này có tăng nhưng rất thấp. Nhìn chung kinh tế ngoài nhà nước không chỉ đóng góp lớn vào tăng trưởng mà còn đóng góp lớn vào tạo ra việc làm cho lao động.

3.2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRONG NỀN KINH TẾ TỈNH KON TUM

Mặc dù chịu sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu trong giai đoạn 2006-2008, tuy nhiên tình hình vốn đầu tư của tỉnh Kon Tum cũng có sự tăng trưởng đáng kể (tăng từ 983 tỷ đồng năm 2008

lên 2.068 tỷ đồng năm 2015, tăng hơn 2,1 lần). Tăng trưởng vốn đầu tư tuy không đều nhưng vẫn đạt mức trung bình hàng năm là gần 4,9%. Trong khi tăng trưởng kinh tế cao và ổn định hơn. Nếu so sánh tỷ lệ vốn so với GDP thì tỷ lệ tăng trưởng này không ổn định, năm 2005 là 6,31% thì năm 2012 giảm còn 15,27% và năm 2015 là 13,82%.

Cả hai nguồn từ nhà nước và ngoài nhà nước đều có xu hướng tăng. Nhưng nguồn vốn đầu tư nhà nước tăng chậm hơn và không ổn định. Nếu năm 2005 mức vốn là 895 tỷ theo giá 1994 thì năm 2010 là 1.262 tỷ và năm 2015 giảm còn 1.087 tỷ. Trong thời gian này nguồn vốn ngoài nhà nước tăng đều và ổn định hơn nguồn vốn đầu tư nhà nước, từ 196 tỷ năm 2005 lên 488 tỷ năm 2010 và năm 2010 là 987 tỷ (tăng gần gấp 5 lần trong vòng 10 năm). Điều này còn thể hiện qua tỷ lệ vốn đầu tư nhà nước trong tổng số giảm dần từ 82,03% năm 2005 xuống còn 52,27% năm 2015.

Số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ vốn đầu tư của nền kinh tế chủ yếu tập trung cho ngành nông trong giai đoạn trước năm 2007, giai đoạn sau đã giảm mạnh chỉ còn khoảng trên 10%. Tỷ trọng vốn dành cho công nghiệp xây dựng giảm nhẹ và không ổn định cũng chỉ đạt 26,95% năm 2015. Tỷ trọng vốn đầu tư dành cho ngành dịch vụ đã tăng cao và ổn định qua từng năm, tăng gần gấp đôi trong vòng 10 năm, từ mức 34,9% năm 2005 lên 61,88% năm 2015.

3.3. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH KON TUM

3.3.1. Tác động tới tăng trưởng kinh tế theo mức đầu tư cho 1 đồng tăng trưởng kinh tế

Nếu năm 2005, cần 9,47 đồng đầu tư vào nền kinh tế tỉnh Kon Tum để có 1 đồng tăng trưởng trong khi của Việt Nam là 4.20 đồng

thì đến năm 2007, cứ 2,09 đồng đầu tư vào nền kinh tế tỉnh Kon Tum đem tới 1 đồng tăng trưởng GDP trong khi của Việt Nam là gần 4,77 đồng. Năm 2010, cần 4,45 đồng đầu tư vào nền kinh tế tỉnh Kon Tum để có 1 đồng tăng trưởng trong khi của Việt Nam là 6,68 đồng. Năm 2015 thì của tỉnh Kon Tum là 3.0 đồng và của Việt Nam là 3,5. Trung bình giai đoạn 2005-2015 thì chi phí cho một đồng tăng trưởng của tỉnh Kon Tum là 4,20 đồng và Việt Nam 5,15 đồng.

3.3.2. Đánh giá tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế theo tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế

Về đóng góp tuyệt đối của vốn đầu tư vào tăng trưởng khá cao, nhưng có xu hướng giảm dần. Năm cao nhất là năm 2007, chiếm hơn 12% trong tổng tăng trưởng gần 14% của năm. Năm thấp nhất là năm 2013, chỉ chiếm có 1,5% trong tổng tăng trưởng hơn 13%. Trung bình là 6,19% trong tổng gần 14% tăng trưởng.

Nếu xét theo tỷ lệ đóng góp vào 1% tăng trưởng của vốn có xu hướng giảm dần. Năm cao nhất là năm 2006 chiếm 82% và năm thấp nhất là năm 2013 là 11,4%. Trung bình mức đóng góp vào 1% tăng trưởng là 44%. Như vậy vốn đầu tư vẫn đóng góp rất lớn vào tăng trưởng kinh tế. Dù rằng mức này so với cả nước thấp hơn nhưng vẫn có thể thấy tăng trưởng kinh tế trong hơn 10 năm qua vẫn dựa rất nhiều vào vốn đầu tư.

Nếu xét trong quan hệ với lao động và công nghệ, ta thấy tổng thể đóng góp của các yếu tố sản xuất vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tỷ trọng cao của vốn cộng với tỷ lệ đóng góp của lao động đã cho thấy đây là 2 yếu tố quyết định tới tăng trưởng kinh tế. Công nghệ cũng đóng góp đáng kể, chiếm hơn 30% cao hơn của Việt Nam.

3.3.3. Tác động vào tăng trưởng kinh tế của đầu tư công và đầu tư tư nhân.

Kết quả ước lượng

Vốn đầu tư công và đầu tư tư nhân tác động dương tới tăng trưởng kinh tế như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra. Hệ số hồi quy của biến đầu tư công là +0.0389047 cho biết nếu tăng trưởng vốn nhà nước tăng 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng +0.0389047% với giả định các nhân tố khác không đổi.

Hệ số hồi quy của biến vốn đầu tư tư nhân là +0.0386563 hàm ý rằng nếu tăng trưởng vốn nhà ngoài nước tăng 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng +0.0386563% với giả định các nhân tố khác không đổi.

Hệ số hồi quy của lao động là +0.1194685 và hàm ý rằng nếu lao động tăng 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng +0.1194685% với giả định các nhân tố khác không đổi.

Hệ số hồi quy của biến vốn con người là +0.3181976 hàm ý rằng nếu tăng trưởng tích lũy vốn con người tăng 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng +0.3181976% với giả định các nhân tố khác không đổi.

Kết quả này cũng cho thấy vốn đầu tư công có tác động tương đương vốn đầu tư tư nhân tới tăng trưởng. Vốn con người vẫn là nhân tố có mức tác động mạnh nhất tiếp đó là lao động. Các nhân tố này có tác động không thay thế lẫn nhau.

3.3.4. Tác động của vốn tới việc làm

Việc làm có tác động tới sản lượng đã được khẳng định trong lý thuyết kinh tế. Việc làm được tạo ra như thế nào còn liên quan tới lượng vốn đầu tư đi liền với mở rộng quy mô sản xuất.

Phần này sẽ xem xét những tác động từ vốn tới việc làm trong nền kinh tế tỉnh Kon Tum. Ở đây sẽ thông quan hệ số co dẫn giữa việc làm theo vốn đầu tư chung và theo ngành cũng như thành phần kinh tế.

Tác động của vốn đầu tư tới việc làm mới trong các thành phần kinh tế ở tỉnh Kon Tum thể hiện trên bảng 3.9. Từ đây có thể thấy, vốn đầu tư vào khu vực kinh tế nhà nước tạo ra ít việc làm hơn so với khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Hệ số co giãn việc làm theo vốn của khu vực kinh tế nhà nước giai đoạn 2011-2015 là 0,116 cho biết vốn đầu tư vào khu vực kinh tế này tăng 1% sẽ làm tăng 0,116% việc làm. Trong khi hệ số này của kinh tế khu vực kinh tế ngoài nhà nước là 0,224 hay vốn đầu tư vào khu vực kinh tế này tăng 1% sẽ tăng việc làm thêm 0,224%.

CHƯƠNG 4

BÀN LUẬN VÀ CÁC HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Từ kết quả phân tích trên đây có thể có các bàn luận và các hàm ý chính sách sau:

4.1. BÀN LUẬN

Thứ nhất; Tăng trưởng GDP của tỉnh Kon Tum khá cao và duy trì trong suốt 10 năm qua nhưng có xu hướng chậm lại. Động lực của tăng trưởng là các ngành phi nông nghiệp và kinh tế ngoài nhà nước.

Thứ hai, Vốn đầu tư đã được huy động khá lớn vào tăng trưởng kinh tế. Nguồn vốn cũng đã được sử dụng có tương đối hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế.

Thứ ba; Tác động của mỗi đồng vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế mạnh hơn so với tác động này của cả nước. Với đặc thù của mình, mỗi đồng đầu tư vào các ngành nông nghiệp và công nghiệp và khu vực kinh tế ngoài nhà nước có tác động mạnh hơn so với đầu tư vào ngành Dịch vụ và kinh tế nhà nước.

Thứ tư; Tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế theo tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng của nền kinh tế này vẫn khá cao

nhưng vẫn thấp hơn mặt bằng chung của Việt Nam, phù hợp với một nền kinh tế đang trong quá trình công nghiệp hóa.

Thứ năm; kết quả ước lượng cho thấy tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng theo nguồn vốn đầu tư công và nguồn vốn đầu tư tư nhân cùng với các nhân tố sản xuất khác như lao động là tác động thuận hay kích thích tăng trưởng kinh tế.

Thứ sáu; vốn đầu tư vẫn đóng góp rất lớn vào tăng trưởng kinh tế. Dù rằng mức này so với cả nước thấp hơn nhưng vẫn có thể thấy tăng trưởng kinh tế trong hơn 10 năm qua vẫn dựa rất nhiều vào vốn đầu tư. Vốn đầu tư cùng với lao động là 2 yếu tố quyết định tới tăng trưởng kinh tế. Công nghệ cũng đóng góp đáng kể trong tăng trưởng kinh tế.

Thứ bảy; Tác động của vốn đầu tư tới việc làm của nền kinh tế tỉnh Kon Tum là khá mạnh. Trong xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế những năm qua đã được hỗ trợ bởi việc làm được tạo ra nhiều hơn nhờ vốn đầu tư vào các ngành kinh tế phi nông nghiệp như công nghiệp xây dựng và dịch vụ.

4.2. CÁC HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Thứ nhất, với kết luận là Tăng trưởng GDP của tỉnh Kon Tum khá cao. Tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn dựa khá nhiều vào khai thác tài nguyên và các nhân tố chiều rộng, các nhân tố chiều sâu chưa được tập trung khai thác. Thì tác giả đề xuất như sau:

Tập trung phát triển kinh tế tỉnh Kon Tum đạt ngang bằng với mặt bằng chung của cả nước. Chỉ nên duy trì ổn định tăng trưởng kinh tế khoảng 7% tùy theo điều kiện của mình, không nên chạy theo phong trào và sự nôn nóng tăng trưởng nhanh hơn khả năng. Trong đó khai thác tốt các tiềm năng để thúc đẩy sự tăng trưởng của công nghiệp chế biến và ổn định, tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng

chung. Cần thiết điều chỉnh cách thức tạo ra tăng trưởng theo hướng thúc đẩy chuyển từ chủ yếu gia tăng sản lượng nền kinh tế theo chiều rộng sang gia tăng sản lượng hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững

Thứ hai, với kết luận nguồn đầu tư nhà nước vẫn là nguồn đầu tư chủ yếu trong nền kinh tế thì cần có những điều chỉnh để có thể huy động các nguồn vốn đầu tư vào nền kinh tế.

Trong điều kiện hiện nay, phát huy nguồn vốn từ địa phương và các thành phần kinh tế, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn của Trung ương; đồng thời, kiến nghị Nhà nước có cơ chế thúc đẩy tính tự chủ của tỉnh trong huy động nguồn lực của địa phương để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội ở đây, giảm dần sự phụ thuộc vào Trung ương.

Với điểm xuất phát còn thấp, nền kinh tế có tích lũy thấp dẫn đến năng suất và thu nhập thấp. Nếu không có những “cú hích” từ bên ngoài thì nền kinh tế sẽ rơi vào “vòng luẩn quẩn”. Vì vậy, phải tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư. Hiện nay, trong cơ cấu đầu tư, tỷ trọng vốn ngoài nhà nước còn thấp. Nâng cao hiệu quả huy động các nguồn vốn cho đầu tư có ý nghĩa quan trọng. Về nguyên tắc, việc huy động nguồn vốn do hiệu quả đầu tư và thị trường quyết định. Các chính sách của nhà nước sẽ tác động đến việc quy hoạch, định hướng, giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng và các cơ chế khuyến khích, tạo môi trường thân thiện để thu hút đầu tư, đây là khâu đột phá có tính quyết định để phát triển.

Việc đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội là điều kiện cần thiết cho thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Nâng cao khả năng đáp ứng và chất lượng của các khu công

nghiệp địa phương; mở rộng và nâng chất lượng hệ thống giao thông; giảm chi phí đồng thời với nâng cao độ tin cậy của các dịch vụ công phục vụ nhân dân và doanh nghiệp; mở rộng hệ thống song song với nâng cao chất lượng đáp ứng của công nghệ thông tin và truyền thông. Trước mắt, nên cần tập trung nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng giao thông, hệ thống đường nối giữa quốc lộ và đường biên giới để thu hút đầu tư du lịch. Hoàn thiện hạ tầng một số khu, cụm CN đang hoạt động hiệu quả. Đầu tư xây dựng các đô thị có điều kiện và lợi thế làm hạt nhân. Đẩy nhanh các công trình phúc lợi phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp; có cơ chế dành quỹ đất để các nhà đầu tư xây dựng nhà ở, các công trình phúc lợi khác cho chuyên gia, người lao động...

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến đầu tư để thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước và FDI. Xây dựng và ban hành danh mục các chương trình, dự án cần kêu gọi đầu tư của tỉnh. Đồng thời kiên quyết thu hồi các dự án không có năng lực triển khai. Có chính sách hỗ trợ, động viên các nhà đầu tư lớn tại các khu công nghiệp đang làm ăn hiệu quả tiếp tục mở rộng đầu tư. Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn viện trợ phát triển, các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế trong phòng chống thiên tai, phát triển bền vững, giảm nghèo... để lồng ghép đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình y tế, giáo dục và dạy nghề. Có cơ chế tăng cường hợp tác công-tư (PPP) để huy động và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Thực hiện các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh như lãi suất, đào tạo, thông tin nhằm huy động nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư sản xuất...

Hướng phân bổ vốn đầu tư trong nền kinh tế nên tập trung vốn đầu tư vào ngành công nghiệp được định hướng phát triển ở mục trên,

đầu tư thích đáng cho công nghiệp chế biến nông sản và nông nghiệp công nghệ cao. Đầu tư tập trung khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải. Thời gian qua, việc đầu tư của địa phương vẫn mang nặng tính chất “quảng canh”, đầu tư dàn trải, manh mún, trùng lặp, thiếu tập trung. Với nguồn vốn có hạn, tỉnh chỉ tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm quyết định tới sự phát triển kinh tế xã hội hay an ninh quốc phòng và một số ngành mũi nhọn, còn những lĩnh vực khác Nhà nước cần tạo môi trường thuận lợi để xã hội hóa đầu tư.

Vừa tập trung thu hút một số dự án lớn có tính đột phá về giá trị tổng sản phẩm đồng thời thu hút các ngành có thể giải quyết việc làm, phát triển nông thôn. Trong những năm sắp đến, cần tiếp tục có đột phá trong cơ chế, chính sách để thu hút một số dự án lớn có tính đột phá về giá trị tổng sản phẩm. Đồng thời chú trọng thu hút các ngành có thể giải quyết được lao động, lan tỏa đến phát triển nông thôn như hình thành trung tâm dệt may, chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến gỗ, cao su.... Tận dụng cơ hội do hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) đem lại, cần tiếp tục thực hiện chính sách công nghiệp hướng về xuất khẩu, từng bước nâng cao giá trị gia tăng bằng cách phát triển công nghiệp phụ trợ, nâng cao tỷ trọng sử dụng lao động, nguyên vật liệu địa phương...

Trong khu vực DV, du lịch được xem là mũi nhọn, có chất lượng tăng trưởng tốt và là lợi thế của tỉnh, được xếp vào chương trình trọng điểm quốc gia và Tây Nguyên. Nên cần ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch, có chương trình hành động phát triển lĩnh vực này dựa trên du lịch văn hóa, di sản, du lịch biển gắn với kinh doanh nghỉ dưỡng, bất động sản.

KẾT LUẬN

Với những nội dung nghiên cứu của Luận văn được trình bày ở phần trên đã minh chứng rằng trong thời gian qua vốn đầu tư đã có tác động tích cực không những đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Kon Tum mà cả vấn đề an sinh xã hội, thu hút đầu tư. Điều này thể hiện qua việc Tăng trưởng GDP của tỉnh Kon Tum khá cao và duy trì trong suốt 10 năm qua, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng và giải quyết việc làm đáng kể. Trong đó, nguồn vốn đầu tư nhà nước vẫn là nguồn vốn chủ yếu và vẫn còn khá quan trọng với nền kinh tế. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được cải thiện đáng kể thông qua chỉ số ICOR ngày càng giảm...Tuy nhiên tiềm năng vốn trong nền kinh tế vẫn còn khá lớn nhưng chưa được khai thác và huy động cho tăng trưởng kinh tế, việc phân bổ vốn chủ yếu cho khu vực dịch vụ và công nghiệp, tỷ lệ dành cho nông nghiệp khá thấp. Hiệu quả đầu tư đang giảm dần, nhất là khu vực dịch vụ...

Với nhu cầu đầu tư trong thời gian tới rất lớn nhưng nguồn lực nhà nước có hạn, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, rút ngắn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh, tác giả đã đề xuất một số hàm ý chính sách như sau: Tập trung phát triển kinh tế tỉnh Kon Tum đạt ngang bằng với mặt bằng chung của cả nước; cần có những điều chỉnh để có thể huy động các nguồn vốn đầu tư vào nền kinh tế; hoàn thiện và điều chỉnh phân bổ, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả hơn; nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tăng cường cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh – PCI.

Đinh Thị Thủy
Đinh Thị Thủy